

Số: 06 /GPMT-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam số 146/CV-CTĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 37/TTr-STNMT-TNN ngày 05 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế tác đá, địa chỉ tại Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0500555916, đăng ký lần đầu ngày 13/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23/5/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0500555916.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế tác các sản phẩm đá trang trí nội thất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: Nhà máy sản xuất các loại đá ốp lát có kích thước khác nhau, được gia công, chế tác từ các tấm đá lớn. Công suất của cơ sở: 26.100 m²/năm. Diện tích cơ sở: 24.100m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả bụi thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 13. tháng 01. năm 2023 đến ngày 13. tháng 01. năm 2033..).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố; (đề b/c)
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP_{C.N.Trang};
- Các phòng: TH, TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thạch Thất;
- Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam;
- Công thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, TNMT

Mhs: 2022000042406

36(5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **06** /GPMT-UBND ngày **13** tháng **01** năm **2023** của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn nước thải số 01: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 Dòng nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

- Tọa độ vị trí xả nước thải (vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X= 2 321 117, Y = 555 798

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $13 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm (không thải vào công trình thủy lợi).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT
			Cột B
1	pH	-	5÷9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống

xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, chậu rửa, lavabo được thu gom vào bể tự hoại bằng đường ống PVC D110, độ dốc 1%. Hệ thống bể tự hoại của Nhà máy được đặt ngầm. Nước thải từ bể tự hoại được dẫn nối vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy bằng đường ống PVC D110, độ dốc 1%.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực bếp ăn được thu gom vào 01 bể tách mỡ sau đó dẫn vào đường ống PVC D110 về vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty.

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt chuẩn xả ra môi trường tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải → Hồ gồm 2 ngăn (bể điều hòa) → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể xử lý hiếu khí 1 → Bể xử lý hiếu khí 2 → Ngăn lắng → Oxi hóa & khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu công nghệ cao → hệ thống thoát nước khu vực.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo dạng viên nén.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải và kiểm tra định kỳ các bộ phận, máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố như: kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, vật liệu xử lý nước thải,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam có trách nhiệm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để bảo đảm vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng nước thải.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

+ Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải.

+ Thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo nội dung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **06** /GPMT-UBND ngày **13** tháng **01** năm 2023
của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi thải (bột đá):

- Nguồn số 01: Khu vực hoàn thiện 01.
- Nguồn số 02: Khu vực hoàn thiện 02.
- Nguồn số 03: Khu vực hoàn thiện 03.

2. Vị trí xả bụi thải, phương thức xả bụi thải:

2.1. Vị trí xả bụi thải (vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°):

Khu vực hoàn thiện 01: tọa độ X= 2 321 154 ; Y= 555 827.

Khu vực hoàn thiện 02: tọa độ X= 2 321 185 ; Y= 555 827.

Khu vực hoàn thiện 03: tọa độ X= 2 321 277 ; Y= 555 826.

2.2. Phương thức xả bụi thải:

- Phương thức xả: *Gián đoạn.*
- Chu kỳ xả: *Trong thời gian làm việc sản xuất.*

2.3. Bụi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN: 05:2013/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi thải - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của yếu tố bụi tại nơi làm việc QCVN: 02/2019/TT-BYT, cụ thể như sau:

a) Đối với bụi trong không khí xung quanh:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (trung bình 24 giờ)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200	03 tháng/lần
2	Bụi PM_{10}	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	150	03 tháng/lần
3	Bụi $\text{PM}_{2,5}$	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	50	03 tháng/lần
4	Pb	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	1,5	03 tháng/lần

b) Đối với bụi silic:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Silic tự do trong bụi toàn phần	mg/m^3	0,3	03 tháng/lần

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
2	Silic tự do trong bụi hô hấp	mg/m ³	0,1		03 tháng/lần
c) Đối với bụi không chứa silic:					
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			Bụi toàn phần	Bụi hô hấp	
1	Talc, nhôm, bentonit, diatomit, pyrit, graphit, cao lanh.	mg/m ³	2,0	1,0	03 tháng/lần
2	Bakelit, oxit sắt, oxit kẽm, dioxit titan, silicat, apatit, baril, photphatit, đá vôi, đá trân châu, đá cẩm thạch.	mg/m ³	4,0	2,0	03 tháng/lần
	Bụi hữu cơ và vô cơ khác.		8,0	4,0	03 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi thải:

1.1. Thu gom bụi thải từ các nguồn phát sinh bụi thải để xử lý bụi:

Nhà máy bố trí hệ thống phun nước nhờ bơm, ống dẫn tự động (tự động vận hành khi thiết bị sản xuất hoạt động), áp lực làm việc: 3-3,5kg/cm².

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi thải:

- Tóm tắt quy trình: Bụi (bột đá) → Thiết bị đập bụi màng nước → Nước đập bụi → hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn nước.

Bụi (bột đá) phát sinh được phun nước đập bụi, nước đập bụi sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất để tách nước và tuần hoàn nước. Nước thải chứa bột đá từ các công đoạn sản xuất và phân bùn cặn tự động chảy về hồ thu. Khi hồ thu đầy, bơm hút bùn sẽ tự động vận hành để bơm lên silô lắng bùn. Trong quá trình bơm bùn, thiết bị phụ trợ sẽ tự động hoạt động để bổ sung chất trợ lắng lên silô lắng bùn. Silô lắng bùn có kết cấu lõi hình ống để tạo điều kiện thuận lợi cho bùn sa lắng xuống đáy. Phần nước trong sẽ tràn qua silô xuống bể tuần hoàn (tuần hoàn nước để phun đập bụi). Bột đá lắng đọng trong silô được van điều khiển mở cho chảy sang thùng chứa bột đá (dạng bùn).

- Thiết bị: Bơm cấp nước, hồ thu, hồ thu trung gian, bơm chìm, tank hóa chất, bơm lưu lượng.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất trợ lắng PAC, PAM, NaOH.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **06** /GPMT-UBND ngày **13** tháng **01** năm **2023** của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Phân xưởng sản xuất 01.
- Nguồn số 02: Phân xưởng sản xuất 02.
- Nguồn số 03: Phân xưởng sản xuất 03.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn (vị trí tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°):

Phân xưởng sản xuất 01: tọa độ X= 2 321 185; Y= 555 827.

Phân xưởng sản xuất 02: tọa độ X= 2 321 246; Y= 555 798.

Phân xưởng sản xuất 03: tọa độ X= 2 321 246; Y= 555 827.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24/2016/BYT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn môi trường xung quanh:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	70	55	06 tháng/lần

3.2. Tiếng ồn môi trường khu vực sản xuất:

TT	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn 08 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	85	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị máy móc.
- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.
- Thực hiện các chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.
- Đối với người lao động được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân như nút bịt tai, bố trí số ca hợp lý, nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 06 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023
của UBND thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1.	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	200
2.	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	2.200
3.	Pin, ắc quy thải	19 06 01	30
4.	Dầu thải	15 01 07	300
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	40
6.	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	30
7.	Que hàn thải	07 04 01	20
Tổng số lượng			2.820

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải rắn công nghiệp thông thường	Khối lượng
1	Bavia trong chế tác đá	1,5m ³ /ngày
1	Bùn, cặn từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất	0,5m ³ /ngày
2	Bao giấy, thùng gỗ, carton	60kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Chủng loại	Khối lượng
1	Rác thải sinh hoạt	90kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 12 thùng chứa bằng nhựa cứng có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho có diện tích 20m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che kín với kết cấu tường xây kín xung quanh, nền chống thấm. Cửa ra vào kho bằng tôn, có khóa riêng và có biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Công ty bố trí 24 thùng chứa CTR thông thường tại các vị trí

phát sinh.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: Khu tập kết chất thải rắn thông thường với diện tích 150m²

- Thiết bị, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nền khu vực tập kết bằng bê tông, nằm cạnh hệ thống xử lý nước sản xuất tuần hoàn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 08 thùng chứa rác sinh hoạt với dung tích 20 lít đặt tại nhà ăn, văn phòng điều hành, nhà xưởng sản xuất.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: tập kết về các thùng chứa lớn 200 lít

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nền khu vực tập kết bằng bê tông, tập kết về các thùng chứa lớn 200 lít đặt cạnh kho chứa CTNH.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng của Bệnh viện. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **06** /GPMT-UBND ngày **13** tháng **01** năm **2023**
của UBND thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Không thuộc trường hợp cơ sở được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình và chưa hoàn thành hết các nội dung trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc văn bản tương đương kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người theo quy định tại Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
- Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

